

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HOÁ DẦU VP

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014

Tháng 8 năm 2015

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 24

3
K
L
2

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Hoá dầu VP (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Khánh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đình Thanh	Phó Chủ tịch
Ông Ngô Đức Giang	Ủy viên
Ông Nguyễn Quang Minh	Ủy viên
Ông Đặng Minh Thao	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Đặng Minh Thao	Giám đốc
--------------------	----------

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Đặng Minh Thao
Giám đốc

Ngày 04 tháng 08 năm 2015



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ

International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ : Phòng 3203, Tầng 32, Nhà 34T, KĐT Trung Hòa - Nhân Chính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Address: Room 3203, 32nd Floor, 34T Building, Trung Hoa - Nhan Chinh, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam.

Tel: (84) 222 12 891 Fax: (84) 222 12 892 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 01.08/2015/BCKT-IFC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Vận tải Hoá dầu VP

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải Hóa dầu VP (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 04 tháng 08 năm 2015, từ trang 5 đến trang 24, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần vận tải hóa dầu VP tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2 của Thuyết minh Báo cáo tài chính. Như đã trình bày trên Báo cáo tài chính kèm theo, tổng số công nợ ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty đã vượt quá tổng tài sản ngắn hạn với số tiền là 20.571.907.630 đồng (bao gồm khoản vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm tới). Lỗ lũy kế của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 26.692.009.238 đồng. Các yếu tố này gây ra nghi ngờ về tính hoạt động liên tục cho Công ty.




BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Tuy nhiên, theo kế hoạch của Ban Giám đốc trong năm tới xu hướng giá dầu giảm là cơ hội tốt để Công ty giảm chi phí và tăng lợi nhuận. Đồng thời, Công ty cũng đã có được những cam kết hỗ trợ về tài chính của các đối tác lớn như Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex và Công ty Petrolimex Singapore PTE LTD. Do đó, Báo cáo tài chính kèm theo được lập với giả định Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trên cơ sở liên tục. Báo cáo tài chính kèm theo không bao gồm các điều chỉnh có thể có do ảnh hưởng phát sinh từ sự kiện không chắc chắn này.

Theo quy định của pháp luật hiện hành, thời gian khấu hao của tàu chở dầu VP1 và VP2 của Công ty là 15 năm. Năm 2015, Công ty tiếp tục thực hiện trích khấu hao tài sản cố định hữu hình đối với hai tàu trên là 22 năm. Đến ngày 13 tháng 07 năm 2015, Bộ Tài chính đã phê duyệt về việc chấp nhận cho Công ty tiếp tục trích khấu hao 02 tàu VP1 và VP2 với thời gian như thực tế Công ty đang thực hiện và đã đăng ký với Cục thuế Hải Phòng (thời gian khấu hao tài sản là 22 năm và bắt đầu áp dụng khi tài sản hoàn thành từ năm 2012) theo Công văn số 9426/BTC-TCĐN. Theo đó, Báo cáo kiểm toán này được phát hành thay thế cho báo cáo kiểm toán đã phát hành số 13.05/2015/BCKT-IFC ngày 26 tháng 05 năm 2015.



Khúc Đình Dũng
Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0748-2013-072-01
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn
Tài chính Quốc tế (IFC)
Ngày 04 tháng 08 năm 2015


Nguyễn Thị Thanh Hoa
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1402-2013-072-01

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		25.562.627.145	26.222.855.877
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	9.969.298.139	16.839.447.110
1. Tiền	111		4.969.298.139	16.839.447.110
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.000.000.000	-
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		7.582.817.576	4.674.902.657
1. Phải thu khách hàng	131		-	2.120.044.038
2. Trả trước cho người bán	132	V.2	6.794.584.576	1.046.455.132
3. Các khoản phải thu khác	135		788.233.000	1.508.403.487
III. Hàng tồn kho	140		4.986.872.825	4.177.751.056
1. Hàng tồn kho	141	V.3	4.986.872.825	4.177.751.056
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.023.638.605	530.755.054
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		420.815.957	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.387.796.553	361.880.677
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		215.026.095	168.874.377
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		473.032.266.605	498.071.684.063
I. Tài sản cố định	220		469.858.996.424	493.458.691.922
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.4	469.858.996.424	493.458.691.922
- Nguyên giá	222		516.421.809.071	516.489.872.484
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(46.562.812.647)	(23.031.180.562)
II. Tài sản dài hạn khác	260		3.173.270.181	4.612.992.141
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.5	2.398.367.746	3.399.074.420
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		693.171.857	1.132.187.143
3. Tài sản dài hạn khác	268		81.730.578	81.730.578
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		498.594.893.750	524.294.539.940

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HOÁ DẦU VP

Phòng 7.03, Central Tower, 43 Quang Trung,
P.Quang Trung, Q.Hồng Bàng, TP.Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		373.620.103.281	400.892.240.617
I. Nợ ngắn hạn	310		30.740.934.775	23.732.738.006
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	3.911.941.089
2. Phải trả người bán	312	V.6	8.116.161.892	9.080.160.445
3. Người mua trả tiền trước	313	V.7	21.000.000.000	7.984.270.526
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.8	10.401.583	19.800.000
5. Phải trả người lao động	315		79.250.609	275.410.610
6. Chi phí phải trả	316	V.9	946.847.260	1.781.133.482
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.10	580.492.025	650.340.448
8. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		7.781.406	29.681.406
II. Nợ dài hạn	330		342.879.168.506	377.159.502.611
1. Vay và nợ dài hạn	334	V.11	342.581.270.345	376.861.604.450
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		297.898.161	297.898.161
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		124.974.790.469	123.402.299.323
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.12	124.974.790.469	123.402.299.323
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		150.761.770.000	150.761.770.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		584.911.696	584.911.696
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		320.118.011	320.118.011
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(26.692.009.238)	(28.264.500.384)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		498.594.893.750	524.294.539.940

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
1. Ngoại tệ các loại (USD)		170.782.29	96.045.89



Nguyễn Minh Thao
Giám đốc

Ngày 04 tháng 08 năm 2015

Vũ Thị Mai
Kế toán trưởng

Trần Thị Nga
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HOÁ DẦU VP

Phòng 7.03, Central Tower, 43 Quang Trung,
P.Quang Trung, Q.Hồng Bàng, TP.Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	143.884.855.350	100.116.429.842
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		143.884.855.350	100.116.429.842
3. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	112.337.619.311	91.585.060.199
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		31.547.236.039	8.531.369.643
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2.333.464.182	133.483.381
6. Chi phí tài chính	22	VI.4	28.481.497.495	30.040.238.319
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		20.780.148.643	24.307.337.063
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		3.033.851.384	3.067.253.099
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.365.351.342	(24.442.638.394)
9. Thu nhập khác	31		2.327.454.630	-
10. Chi phí khác	32		2.497.729.540	-
11. Lợi nhuận khác	40	VI.5	(170.274.910)	-
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.195.076.432	(24.442.638.394)
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	2.168.686
14. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.6	439.015.286	-
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.756.061.146	(24.444.807.080)
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	116	(2.744)



Đặng Minh Thao

Giám đốc

Ngày 04 tháng 08 năm 2015

Vũ Thị Mai

Kế toán trưởng

Trần Thị Nga

Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU B 03-DN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2014	Năm 2013
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	2.195.076.432	(24.442.638.394)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	23.599.695.498	19.504.939.410
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	4.729.294.507	4.715.065.185
Chi phí lãi vay	06	20.780.148.643	24.307.337.063
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	51.304.215.080	24.084.703.264
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(4.979.982.513)	15.784.862.594
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(809.121.769)	(2.212.064.856)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	10.969.980.454	(2.647.746.477)
(Tăng), giảm chi phí trả trước	12	1.000.706.674	591.973.973
Tiền lãi vay đã trả	13	(20.751.114.366)	(24.161.509.155)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	(2.168.686)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	2.135.214.221	592.116.053
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(2.650.897.908)	(944.852.783)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	36.218.999.873	11.085.313.927
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCD	21	-	(58.146.043.716)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	-	(58.146.043.716)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	65.000.000.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	38.001.514.979
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(43.094.641.089)	(40.374.560.635)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.430.000)	(2.430.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(43.097.071.089)	62.624.524.344
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(6.878.071.216)	15.563.794.555
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	16.839.447.110	1.275.687.699
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	7.922.245	(35.144)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	9.969.298.139	16.839.447.110



Đỗ Minh Thao
 Giám đốc

Ngày 04 tháng 08 năm 2015

(Signature)

Vũ Thị Mai
 Kế toán trưởng

(Signature)

Trần Thị Nga
 Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HOÁ DẦU VP

Phòng 7.03, Central Tower, 43 Quang Trung,
P.Quang Trung, Q.Hồng Bàng, TP.Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014

MÀU SỐ B 09-DN

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải Hóa dầu VP là Công ty Cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203004237 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 23 tháng 04 năm 2008.

Công ty Cổ phần Vận tải Hóa dầu VP được thành lập bởi 03 cổ đông sáng lập là Công ty Cổ phần Hóa dầu Petrolimex (PLC), Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO (VIPCO) và Ông Nguyễn Quang Minh. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty Cổ phần mã số doanh nghiệp 0200809454 thay đổi lần 2 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 01 tháng 04 năm 2014, Công ty có vốn điều lệ là 150.761.770.000 đồng (một trăm năm mươi tỷ bảy trăm sáu mươi một triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng), mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 7 người (31 tháng 12 năm 2013 là 8 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Vận tải hàng hoá ven biển và viễn dương;
- Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan;
- Dịch vụ đại lý tàu biển;
- Dịch vụ đại lý vận tải đường biển.

Hoạt động chính của Công ty là: vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Như đã trình bày trên Báo cáo tài chính, tổng số công nợ ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty đã vượt quá tổng tài sản ngắn hạn với số tiền là 20.571.907.630 đồng (bao gồm khoản vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm tới). Lỗ lũy kế của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 26.692.009.238 đồng. Các yếu tố này gây ra nghi ngờ về tính hoạt động liên tục cho Công ty. Tuy nhiên, theo kế hoạch của Ban Giám đốc trong năm tới Công ty theo xu hướng giá dầu giảm là cơ hội tốt để Công ty giảm chi phí và tăng lợi nhuận. Đồng thời, Công ty cũng đã có được những cam kết hỗ trợ về vốn của các đối tác lớn như Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex và Công ty Petrolimex Singapore PTE LTD. Theo đó, Ban Giám đốc Công ty cho rằng Báo cáo tài chính kèm theo được lập trên cơ sở hoạt động liên tục là hợp lý.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HOÁ DẦU VP

Phòng 7.03, Central Tower, 43 Quang Trung,
P.Quang Trung, Q.Hồng Bàng, TP.Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÀU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng: nhật ký chung trên máy tính.

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC (“Thông tư 179”) quy định việc ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Thông tư 179 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2012 và được áp dụng từ năm tài chính 2012. Thông tư 179 đưa ra hướng dẫn cụ thể về tỷ giá áp dụng đối với việc thanh toán và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 179 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao của hai tàu VP1 và VP2 đã được Bộ tài chính phê duyệt theo công văn số 9426/BTC-TCĐN ngày 13 tháng 07 năm 2015. Theo đó, Công ty thực hiện trích khấu hao đối 02 tàu VP1 và VP2 với thời gian là 22 năm (theo quy định của pháp luật hiện hành, thời gian khấu hao tối đa đối với 02 tài sản trên là 15 năm).

Thời gian sử dụng ước tính của tài sản cố định như sau:

	<u>Số năm</u>
Phương tiện vận tải	04 - 22
Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 - 10

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong quá trình đầu tư. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba đến năm năm theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Ngoại tệ

Năm 2012 Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Tuy nhiên năm 2014 là năm kết thúc quá trình đầu tư xây dựng cơ bản do đó Công ty quyết định lựa chọn và áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng việc áp dụng đó cùng với việc đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp áp dụng theo hướng dẫn tại Thông tư số 179/2012/TT - BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 sẽ cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính. Theo đó, việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo Thông tư số 179/2012/TT - BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 làm lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 tăng 2.147.141.732 đồng so với lợi nhuận trước thuế khi áp dụng Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Theo Công văn số 1099/CT-TT&HT ngày 29 tháng 07 năm 2008 của Cục thuế Hải Phòng, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm và giảm 50% số thuế phải nộp cho 03 năm tiếp theo kể từ khi dự án đầu tư vào ngành vận tải hàng hoá viễn dương có thu nhập chịu thuế. Công ty được hưởng thuế suất 20% trong thời gian 10 năm kể từ khi đầu tư vào ngành vận tải hàng hoá viễn dương có doanh thu.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chi ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tuỳ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HOÁ DẦU VP

Phòng 7.03, Central Tower, 43 Quang Trung,

P.Quang Trung, Q.Hồng Bàng, TP.Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt	273.590.329	105.491.815
Tiền gửi ngân hàng	4.695.707.810	16.733.955.295
Các khoản tương đương tiền	5.000.000.000	-
Cộng	9.969.298.139	16.839.447.110

2. Trả trước cho người bán

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Đóng tàu Hồng Hà	6.000.000.000	-
LIGHTHOUSE SHIP AGENCY PTE LTD	316.713.761	274.937.658
KUDRAT MARITIME MALAYSIA SDN BHD	175.419.907	71.011.328
M H AGENCIES SDN BHD	-	222.739.199
Các đối tượng khác	302.450.908	477.766.947
Cộng	6.794.584.576	1.046.455.132

3. Hàng tồn kho

	31-12-14	01/01/2014
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	4.962.172.825	4.152.216.056
Công cụ, dụng cụ	24.700.000	25.535.000
Cộng	4.986.872.825	4.177.751.056

4. Tài sản cố định hữu hình

	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2014	516.421.809.071	68.063.413	516.489.872.484
- Giảm do thanh lý	-	(68.063.413)	(68.063.413)
Tại ngày 31/12/2014	516.421.809.071	-	516.421.809.071
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2014	22.963.117.149	68.063.413	23.031.180.562
- Khấu hao trong năm	23.599.695.498	-	23.599.695.498
- Giảm thanh lý	-	(68.063.413)	(68.063.413)
Tại ngày 31/12/2014	46.562.812.647	-	46.562.812.647
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2014	493.458.691.922	-	493.458.691.922
Tại ngày 31/12/2014	469.858.996.424	-	469.858.996.424

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HOÁ DẦU VPPhòng 7.03, Central Tower, 43 Quang Trung,
P.Quang Trung, Q.Hồng Bàng, TP.Hải Phòng**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****5. Chi phí trả trước dài hạn**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Lỗi chênh lệch tỷ giá trong giai đoạn đầu tư chờ phân bổ	2.315.381.163	3.087.174.883
Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ	82.986.583	311.899.537
Cộng	2.398.367.746	3.399.074.420

6. Phải trả người bán

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Petrolimex Singapore Pte Ltd	3.870.320.700	-
Công ty CPTM Phương Tiến Đạt	2.360.466.250	3.501.131.225
Công ty CP vận tải xăng dầu VIPCO	1.296.000.000	1.440.000.000
Các đối tượng khác	589.374.942	4.139.029.220
Cộng	8.116.161.892	9.080.160.445

7. Người mua trả tiền trước

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Công ty TNHH nhựa đường Petrolimex	21.000.000.000	7.984.270.526
Cộng	21.000.000.000	7.984.270.526

8. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế thu nhập cá nhân	10.401.583	19.800.000
Cộng	10.401.583	19.800.000

9. Chi phí phải trả

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Lãi tiền vay ngân hàng	262.367.234	287.879.830
Bảo hiểm thân tàu, P&I	53.991.712	346.097.831
Phải trả khác	630.488.314	1.147.155.821
Cộng	946.847.260	1.781.133.482

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HOÁ DẦU VP

Phòng 7.03, Central Tower, 43 Quang Trung,

P.Quang Trung, Q.Hồng Bàng, TP.Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MÀU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****10. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	20.477.297	18.209.320
Cổ tức phải trả	98.115.000	100.545.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	461.899.728	531.586.128
Cộng	580.492.025	650.340.448

11. Vay và nợ dài hạn

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Vay ngân hàng (*)	342.581.270.345	376.861.604.450
Cộng	342.581.270.345	376.861.604.450

(*) Khoản vay dài hạn theo Hợp đồng tín dụng số 062010/VP/HĐTDDH, bên cho vay là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex và Ngân hàng Indovina Chi nhánh Đồng Đa. Tổng hạn mức vay là 19.646.604 USD (trong đó, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex là 8.506.604 USD và Ngân hàng Indovina là 11.140.000 USD), thời gian vay tối đa là 120 tháng kể từ lần rút vốn đầu tiên, lãi suất cho vay theo lãi suất trung bình của lãi suất tiết kiệm huy động tiền gửi dân cư bằng Đô la Mỹ kỳ hạn 12 tháng loại trả sau của Ngân hàng Indovina và Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex. Mục đích vay để thanh toán khoản tiền đóng tàu tại Công ty Hồng Hà, các chi phí thiết bị cung cấp cho công ty đóng tàu và các chi phí khác liên quan đến Dự án. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là toàn bộ con tàu hình thành từ khoản vay do Ngân hàng tài trợ và vốn tự có của Công ty. Trong thời gian ân hạn là 21 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên đối với tàu số 1 (VP1) và 24 tháng đối với tàu số 2 (VP2), thì lãi sẽ được tự động nhập gốc. Thời gian thanh toán số dư nợ gốc của các khoản vay là ba tháng một lần, bắt đầu từ ngày 26 của tháng thứ 30 kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

Các khoản vay dài hạn hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Trong vòng một năm	15.393.600.000	26.356.250.000
Trong năm thứ hai	31.214.800.000	27.832.200.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	97.706.600.000	93.195.700.000
Sau năm năm	198.266.270.345	229.477.454.450
Cộng	342.581.270.345	376.861.604.450

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

12. Vốn chủ sở hữu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Lợi nhuận chưa phân phối		Tổng VND
					VND	VND	
<i>Thay đổi trong vốn chủ sở hữu</i>							
Số dư tại ngày 01/01/2013	85.761.770.000	584.911.696	320.118.011	(3.858.968.604)	(3.430.713.304)	79.377.117.799	
Lỗ trong năm	-	-	-	-	(24.444.807.080)	(24.444.807.080)	
Tăng trong năm	65.000.000.000	-	-	8.603.903.077	-	73.603.903.077	
Giảm khác	-	-	-	(4.744.934.473)	-	(4.744.934.473)	
Thù lao hội đồng quản trị	-	-	-	-	(388.980.000)	(388.980.000)	
Số dư tại ngày 01/01/2014	150.761.770.000	584.911.696	320.118.011	-	(28.264.500.384)	123.402.299.323	
Lãi trong năm	-	-	-	-	1.756.061.146	1.756.061.146	
Thù lao hội đồng quản trị	-	-	-	-	(183.570.000)	(183.570.000)	
Số dư tại ngày 31/12/2014	150.761.770.000	584.911.696	320.118.011	-	(26.692.009.238)	124.974.790.469	

Cổ phiếu

	31/12/2014	01/01/2014
	Cổ phần	Cổ phần
- Số lượng cổ phiếu đang kỳ phát hành	15.076.177	15.076.177
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.076.177	15.076.177
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	15.076.177	15.076.177
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.076.177	15.076.177
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	15.076.177	15.076.177
Cộng	15.076.177	15.076.177

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU B 09 – DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****13. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý*****Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh***

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Công ty mới kết thúc quá trình đầu tư và đi vào hoạt động vì vậy Công ty chỉ có một lĩnh vực kinh doanh duy nhất là vận tải hàng hóa. Do đó, Công ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong môi trường kinh tế khác.

Công ty có duy nhất trụ sở đặt tại phòng 7.03, Central Tower, 43 Quang Trung, phường Quang Trung, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng và không có văn phòng hay chi nhánh tại các địa điểm khác. Do đó, Công ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28- Báo cáo bộ phận.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu cung cấp dịch vụ**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	143.884.855.350	100.116.429.842
Cộng	143.884.855.350	100.116.429.842

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	112.337.619.311	91.585.060.199
Cộng	112.337.619.311	91.585.060.199

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HOÁ DẦU VP

Phòng 7.03, Central Tower, 43 Quang Trung,

P.Quang Trung, Q.Hồng Bàng, TP.Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU B 09 – DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)****3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Thu lãi tiền gửi	39.690.436	17.710.199
Thu lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	611.311.941	115.773.182
Thu lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.682.461.805	-
Cộng	2.333.464.182	133.483.381

4. Chi phí tài chính

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lãi tiền vay	20.780.148.643	24.307.337.063
Lỗ do chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.289.592.540	1.017.836.071
Lỗ do chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	6.411.756.312	4.715.065.185
Cộng	28.481.497.495	30.040.238.319

5. Lợi nhuận khác

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Thu từ bảo hiểm bồi thường	2.327.454.630	-
Thu nhập khác	2.327.454.630	-
Chi để khắc phục sự cố tàu	2.493.729.540	-
Chi phí khác	4.000.000	-
Chi phí khác	2.497.729.540	-
Lợi nhuận khác	(170.274.910)	-

6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại của khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng		
Lãi/ lỗ phát sinh trong năm	2.195.076.432	(24.442.638.394)
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	(4.729.294.507)	(4.715.065.185)
Thu nhập tính thuế TNDN	2.195.076.432	(19.727.573.209)
Thuế suất thuế TNDN ưu đãi cho dự án	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	439.015.286	-

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)**7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.756.061.146	(24.444.807.080)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.756.061.146	(24.444.807.080)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	15.076.177	8.909.328
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	116	(2.744)

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	55.328.785.526	44.964.249.559
Chi phí nhân công	9.966.721.341	9.027.781.228
Chi phí khấu hao tài sản cố định	23.599.695.498	19.504.939.410
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.452.370.087	14.533.714.421
Chi phí khác	9.023.898.243	6.621.628.680
Cộng	115.371.470.695	94.652.313.298

VII. THÔNG TIN KHÁC**1. Công cụ tài chính****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại V.11 "Vay và nợ dài hạn" trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số IV. "Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu".

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HOÁ DẦU VP

Phòng 7.03, Central Tower, 43 Quang Trung,

P.Quang Trung, Q.Hồng Bàng, TP.Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MÀU B 09 – DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)****Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.969.298.139	16.839.447.110
Phải thu khách hàng và phải thu khác	788.233.000	3.628.447.525
Cộng	10.757.531.139	20.467.894.635
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	342.581.270.345	380.773.545.539
Phải trả người bán và phải trả khác	8.696.653.917	9.730.500.893
Chi phí phải trả	946.847.260	1.781.133.482
Cộng	352.224.771.522	392.285.179.914

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế. Tuy nhiên Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị còn lại của các tài sản tài chính và công nợ tài chính có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2014	01/01/2014	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND	VND	VND
Đồng đô la Mỹ (USD)	346.618.326.182	380.675.304.838	3.962.554.448	2.891.419.785
Đồng Đô la Singapor	20.611.584	803.049.184	961.833.761	274.937.658
Đồng tiền chung châu Âu (EUR)		126.571.905		

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HOÁ DẦU VP

Phòng 7.03, Central Tower, 43 Quang Trung,

P.Quang Trung, Q.Hồng Bàng, TP.Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU B 09 – DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)**

Tại 31/12/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 2 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
Các khoản vay	15.393.600.000	327.187.670.345	342.581.270.345
Phải trả người bán và phải trả khác	8.696.653.917	-	8.696.653.917
Chi phí phải trả	946.847.260	-	946.847.260
Cộng	25.037.101.177	327.187.670.345	352.224.771.522

Tại 01/01/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 2 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
Các khoản vay	3.911.941.089	376.861.604.450	380.773.545.539
Phải trả người bán và phải trả khác	9.730.500.893	-	9.730.500.893
Chi phí phải trả	1.781.133.482	-	1.781.133.482
Cộng	15.423.575.464	376.861.604.450	392.285.179.914

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Tại 31/12/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 2 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.969.298.139	-	9.969.298.139
Phải thu khách hàng và phải thu khác	788.233.000	-	788.233.000
Cộng	10.757.531.139	-	10.757.531.139

Tại 01/01/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 2 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.839.447.110	-	16.839.447.110
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.628.447.525	-	3.628.447.525
Cộng	20.467.894.635	-	20.467.894.635

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Công ty CP vận tải xăng dầu Vipeco là thành viên góp vốn, trong năm đơn vị có giao dịch với Công ty này như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Nhận cung cấp dịch vụ	1.296.000.000	1.672.727.273

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HOÁ DẦU VPPhòng 7.03, Central Tower, 43 Quang Trung,
P.Quang Trung, Q.Hồng Bàng, TP.Hải Phòng**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU B 09 – DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)***Số dư công nợ*

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Phải trả Công ty vận tải xăng dầu Vipco	1.296.000.000	1.440.000.000

Thu nhập của Ban Giám đốc

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	367.676.434	392.661.607

3. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán và cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trong Báo cáo tài chính.

4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh được lấy từ báo cáo tài chính năm 2013 đã được kiểm toán.



Đặng Minh Thao
Giám đốc

Ngày 04 tháng 08 năm 2015

Vũ Thị Mai
Kế toán trưởng

Trần Thị Nga
Người lập biểu